



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IV/2016



HÀ NỘI, THÁNG V/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Website: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2016	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
3. Vùng Đông Bắc.....	6
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	11
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2016	14
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	17
3. Tình hình sâu bệnh	18
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI, VII/2016.....	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IV/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IV/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -104mm đến 113mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -52 giờ đến 77 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -12% đến 13%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IV/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

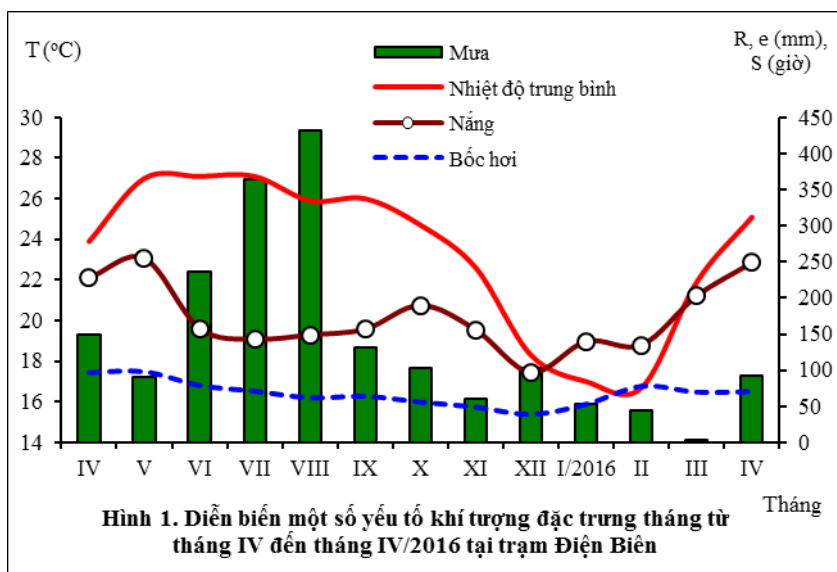
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,8$ đến $2,5^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,2^{\circ}\text{C}$ đến $27,2^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $15,6^{\circ}\text{C}$ đến $29,5^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $10,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 1/IV tại Quỳnh Nhai.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,8^{\circ}\text{C}$ đến $35,0^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $40,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 16/IV tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IV/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-27mm đến 86mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Điện Biên

trong khoảng từ 63mm đến 204mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 12mm đến 65mm, cao nhất là 75mm vào ngày 22/IV tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -28 giờ đến 70 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 66 giờ đến 259 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2016 dao động từ 65% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 13% xảy ra vào ngày 16/IV tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IV/2016 có giá trị phổ biến từ 10mm đến 155mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (từ 15mm đến 135mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 9mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 10 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 17 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Sơn La với số ngày có mưa phùn là 1 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IV/2016 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($1,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

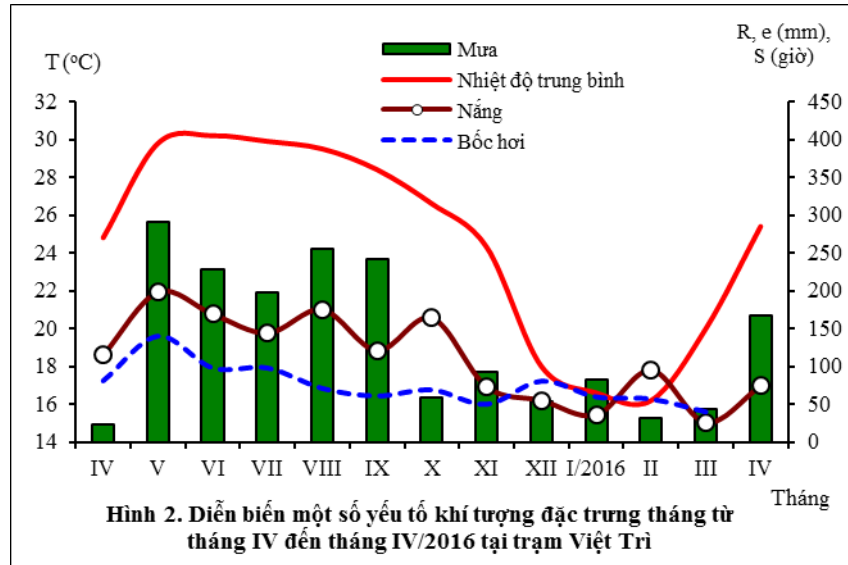
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,6^{\circ}\text{C}$ đến $26,1^{\circ}\text{C}$

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,0^{\circ}\text{C}$ đến $23,5^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $10,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 3/IV tại Sa Pa

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,0^{\circ}\text{C}$ đến $33,6^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí cao nhất là $36,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 16/IV tại Hà Giang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 90mm đến 215mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-104mm đến 88mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Việt Trì

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 35mm đến 85mm, cao nhất là 101mm xảy ra vào ngày 22/IV tại Sa Pa. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 11 - 21 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 8 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 54 giờ đến 205 giờ, cao nhất là 237 giờ (Sapa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-26 giờ đến 68 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2016 phổ biến từ 71 đến 90%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-12% đến 13%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 17%, xảy ra vào ngày 16/IV tại Bắc Hà.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 46mm đến 147mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-150mm đến -20mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 8mm, cao nhất là 13mm, xảy ra vào ngày 16/IV tại Sa Pa.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở nhiều nơi từ 1 - 3 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 14 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày.

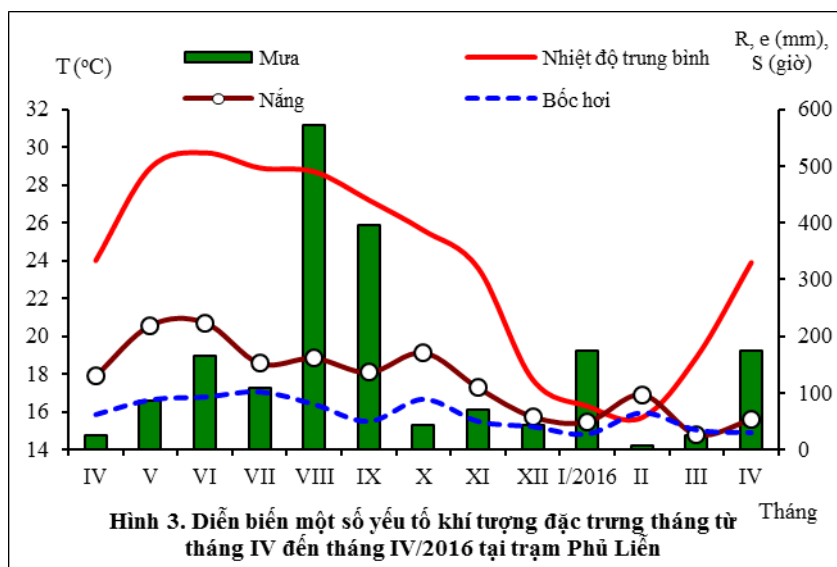
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,3 đến 2,3⁰C); có giá trị dao động từ 23,2⁰C đến 25,6⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 26,7⁰C đến 31,8⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,5⁰C xảy ra vào ngày 16/IV tại Cao Bằng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 20,4⁰C đến 23,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,8⁰C xảy ra vào ngày 18/IV tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Phù Liên

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IV/2016 dao động phổ biến từ 63mm đến 220mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-26mm đến 99mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 21 đến 122mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 14 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IV/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-51 giờ đến 51 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 44 giờ đến 166 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IV/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 79 đến 94%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-3% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 16/IV tại Bảo Lạc.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30,3mm đến 98,1mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa từ 10mm đến 169mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 9mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 6 ngày, có cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 12 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện ở nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ $23,7^{\circ}\text{C}$ đến $25,6^{\circ}\text{C}$, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ $0,9^{\circ}\text{C}$ đến $1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,5^{\circ}\text{C}$ đến $28,9^{\circ}\text{C}$, giá trị

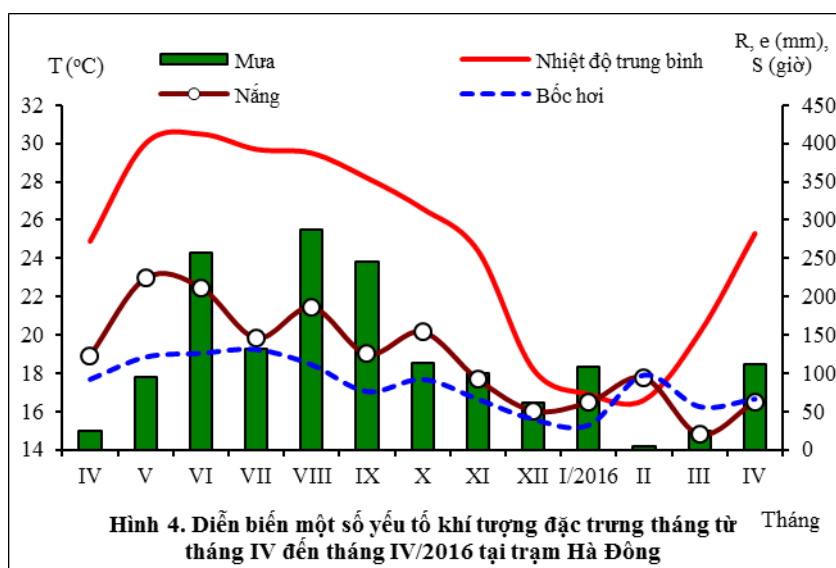
nhiệt độ không khí cao nhất là $34,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 26/IV tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ $21,8^{\circ}\text{C}$ đến $23,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $18,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/IV tại Hải Dương. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (15mm đến 1000mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 72mm đến 188mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 22 đến 69mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 8 ngày. Biến trình tổng lượng mưa



tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 46 giờ đến 77 giờ, cao nhất là 132 giờ tại Nho Quan; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -51 giờ đến 34 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 83% đến 93%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-4% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 51% xảy ra vào ngày 18/IV tại Láng và Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 28,3mm đến 66,3mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ 36mm đến 154mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 7 đến 12 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

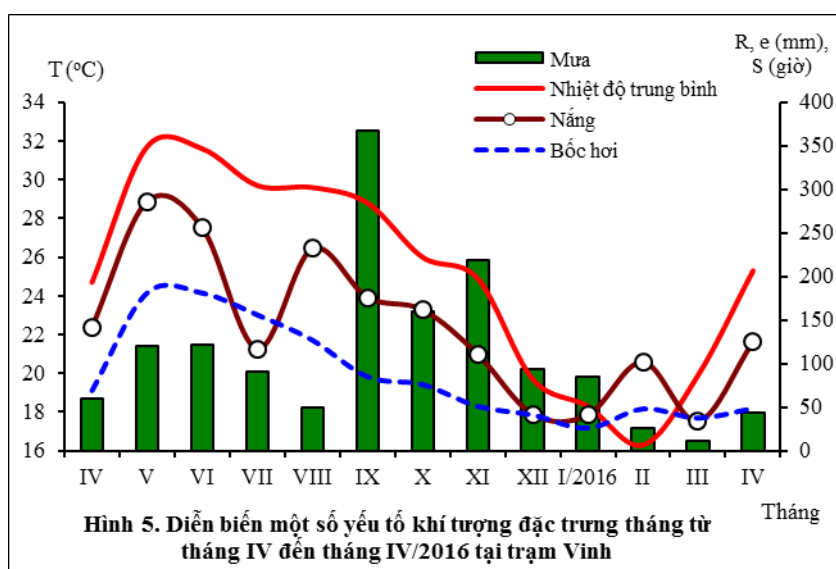
5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,0°C đến 2,2°C (hình 10) và có giá trị từ 23,8°C đến 27,9°C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,8°C đến 35,4°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,8°C xảy ra vào ngày 15/IV tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,1°C đến 23,7°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,7°C xảy ra vào ngày 1/IV tại Vinh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa



- Trong tháng IV/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 28mm đến 181mm, cao nhất là 205mm tại Con Cuông. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-27mm đến 113mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10 đến 57mm, cao nhất là 102mm, xảy ra vào ngày 18/IV tại Hương Khê và ngày 30/IV tại Con Cuông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 15 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 88 đến 184 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -27 giờ đến 32 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% đến 95%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-3% đến 7%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra vào ngày 06/IV tại Cửa Rào.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 25mm đến 60mm, cao nhất là 107mm tại Cửa Rào; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-20mm đến 144mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 15 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Thanh Hóa với số ngày có mưa phùn là 7 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

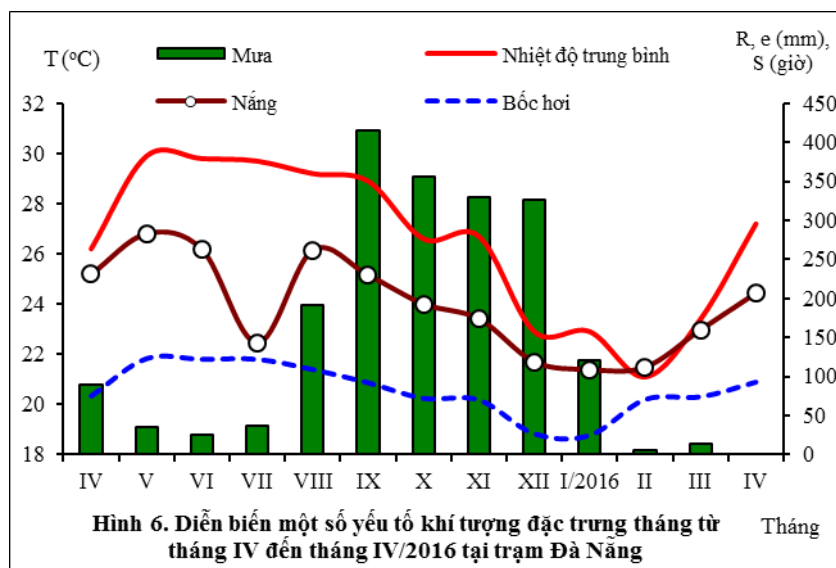
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2016 từ 25,1⁰C đến 28,4⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,8⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,7⁰C đến 36,4⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,4⁰C xảy ra vào ngày 03/IV tại Ba Tơ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,2⁰C đến 24,9⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 17,9⁰C xảy ra vào ngày 21/IV tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IV/2016 ở khu vực từ Quảng Bình đến Đà Nẵng phổ biến từ 20mm đến 120mm còn khu vực giáp phía Tây Nguyên và Nam Trung Bộ cả tháng không có mưa. Lượng mưa tháng ở hầu hết các vùng mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -100mm đến -20mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 11 đến 47mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 30 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 163 giờ đến 235 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-12 giờ đến 38 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 15/IV tại Khe Sanh.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 37mm đến 142mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm, cao nhất là 11mm, xảy ra vào ngày 14/IV tại Khe Sanh. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-92mm đến 22,7mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 13 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 19 ngày.

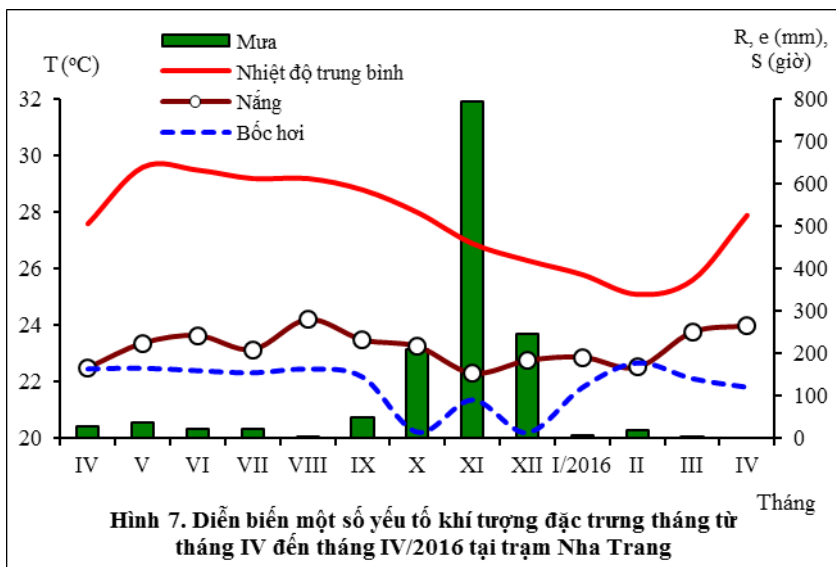
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2016 từ $26,8^{\circ}\text{C}$ đến $30,1^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,6$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $29,6^{\circ}\text{C}$ đến $34,7^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $40,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/IV tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $23,8^{\circ}\text{C}$ đến $27,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $20,9^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 01/IV tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IV/2016, một số khu vực như Tuy Hòa, Hoài Nhơn, Phan Thiết đã bắt đầu có mưa tuy nhiên lượng mưa không đáng kể (dưới 1mm), các khu vực khác đều không có mưa.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 259 giờ đến 314 giờ ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 38 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 3% - hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 35% xảy ra vào ngày 17/IV tại Tuy Hòa.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 160mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (78mm đến 123mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô

nóng từ 6 đến 9 ngày, trong đó một vài nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 2 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2016 từ $20,2^{\circ}\text{C}$ đến $30,6^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $1,0^{\circ}\text{C}$ đến $2,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $27,1^{\circ}\text{C}$ đến $38,3^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $41,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/IV tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $15,7^{\circ}\text{C}$ đến $26,0^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $12,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 01/IV tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

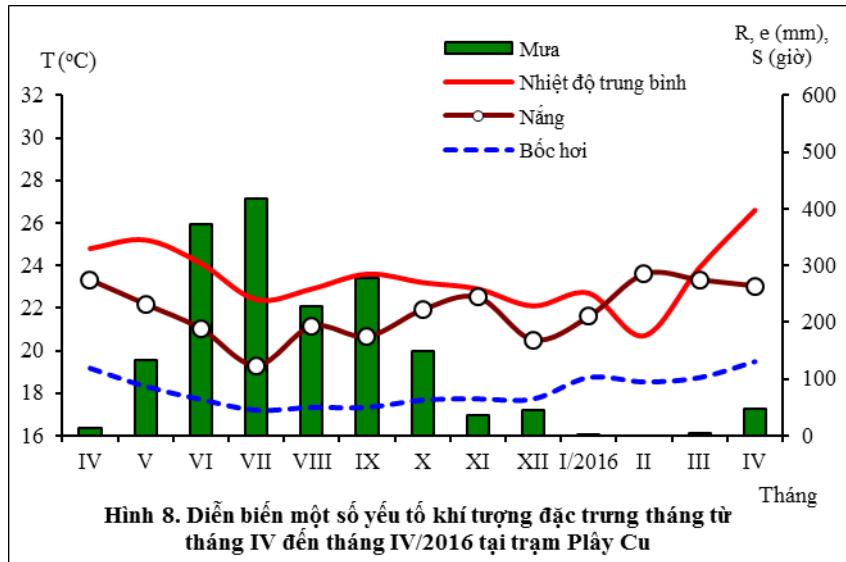
- Tổng lượng mưa tháng IV/2016 dao động từ 10mm đến 130mm, cao nhất là 204mm tại Đà Lạt. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -85mm đến 52mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8mm đến 43mm, cao nhất là 70mm vào ngày 27/IV tại Đà Lạt. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 2 đến 12 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 17 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2016 phổ biến từ 208 giờ đến 278 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (6 giờ đến 37 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -13% đến -3%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 64% đến 82%;



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Plây Cu

độ ẩm không khí thấp nhất là 25% xảy ra vào ngày 20/IV tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 184mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 10mm. Ngoại trừ Đà Lạt có lượng mưa cao hơn lượng bốc hơi (143mm) còn các khu vực khác thấp hơn lượng bốc hơi từ 80mm đến 160mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 29 ngày, trong đó có 2 đến 9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 11 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

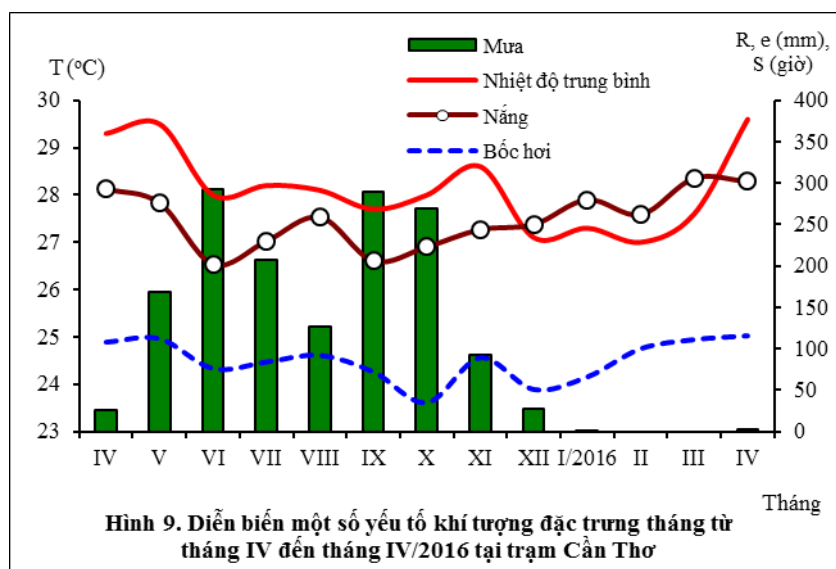
9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IV/2016 từ 28,9⁰C đến 30,7⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 2,2⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,2⁰C đến 37,8⁰C, giá trị

nhiệt độ không khí cao nhất là 39,5⁰C xảy ra vào ngày 18/IV tại Đồng Phú.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,3⁰C đến 27,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,6⁰C xảy ra vào ngày 30/IV tại Đồng Phú. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IV đến tháng IV/2016 tại trạm Cần Thơ

9.2. Diễn biến về mưa

- Phần lớn các khu vực trong vùng vẫn tiếp tục không có mưa ngoại trừ một số khu vực thuộc Đông Nam Bộ như Xuân Lộc, Đồng Phú, Phước Long có từ 2 - 4 ngày có mưa với lượng mưa từ 4mm - 27mm.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IV/2016 phổ biến từ 259 giờ đến 326 giờ; ở mức cao hơn giá trị TBNN (5 giờ đến 77 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 66% đến 80%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 2%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 29% xảy ra vào ngày 20/IV tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 89,7mm đến 195mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng (108mm đến 195mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 30 ngày, trong đó một số nơi có từ 1 đến 21 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 5 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IV/2016

Nhìn chung điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IV/2016 ở hầu hết các vùng phía Bắc đều tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp do nền nhiệt cao (cao hơn TBNN từ 0,5 - 2,7°C), số giờ nắng nhiều, lượng mưa và số ngày mưa đã tăng đáng kể. Khu vực Nam Trung Bộ, Nam Bộ vẫn không có mưa hoặc lượng mưa không đáng kể, tình hình hạn hán và xâm nhập mặn vẫn tiếp tục gia tăng, khu vực Tây Nguyên đã bắt đầu có mưa, lượng mưa khá tuy nhiên do ảnh hưởng của các đợt nắng nóng làm lượng bốc hơi tăng cao, nhiều khu vực vẫn không có nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trọng tâm của sản xuất nông nghiệp trong tháng IV là tập trung chăm sóc các loại cây trồng vụ đông xuân ở các địa phương phía Bắc; thu hoạch lúa, hoa màu đông xuân và gieo trồng lúa hè thu ở các địa phương phía Nam

Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo cấy được trên 3072,1 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,3% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc gieo cấy 1147,6 nghìn ha, bằng 99,6%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1924,5 nghìn ha, bằng 99,1%.

1. Đối với cây lúa

- ***Các tỉnh Miền Bắc:*** Hoạt động trọng tâm trong tháng của các địa phương miền Bắc là tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho lúa và rau, màu vụ đông xuân. Hiện nay các địa phương phía Bắc đã cơ bản hoàn thành công tác gieo trồng lúa vụ Đông xuân, trong đó các địa phương vùng ĐBSH gieo cấy 545,2

nghìn ha, bằng 98,7% so cùng kỳ. Diện lúa vụ Đông xuân năm nay thấp hơn cùng kỳ chủ yếu là do các địa phương chuyển mục đích sử dụng đất. Hiện nay, thời tiết tương đối thuận lợi, một số cơn mưa đầu mùa đem nước tưới đến những chân ruộng cao, hạn chế phần nào tình trạng khô hạn, tạo điều kiện cho lúa sinh trưởng và phát triển tốt, những trà lúa sớm và trà trung đang ở giai đoạn làm đòng, trà muộn đang đẻ nhánh rộ. Một số ít diện tích ở địa bàn miền Trung đã bắt đầu trổ, chín.

- **Các tỉnh phía Nam:** Hiện nay đã thu hoạch được gần 1,6 triệu ha lúa Đông xuân, chiếm hơn 80% diện tích xuống giống. Trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 1426,3 nghìn ha, chiếm 92% diện tích gieo cấy và bằng 93,2% so cùng kỳ. Theo báo cáo sơ bộ, năng suất lúa toàn vùng ĐBSCL năm nay đạt 67,2 tạ/ha, giảm 4 tạ/ha (- 5,7%) so với vụ đông xuân trước và giảm ở tất cả các tỉnh trong vùng do ảnh hưởng của khô hạn, xâm nhập mặn; Như vậy, cùng với diện tích giảm 8,5 nghìn ha, nên sản lượng lúa đông xuân cả vùng ĐBSCL ước tính đạt 10,4 triệu tấn, giảm gần 700 nghìn tấn (-6,2%) so với năm 2015 (Diện tích bị thiệt hại trên 70% sản lượng là trên 142,6 nghìn ha, chiếm 9,2%; Diện tích bị thiệt hại từ 50-70% sản lượng là 65,8 nghìn ha, chiếm 4,2%; Diện tích bị thiệt hại từ 30-50% sản lượng là 952 ha, chiếm 0,1%; Ngoài ra nhiệt độ cao cũng làm giảm sự tích lũy chất khô của cây lúa, nhiều diện tích bị nhiễm sâu bệnh làm hạt lúa bị lép nhiều và ảnh hưởng đến năng suất (diện tích thiệt hại một phần (dưới 30% sản lượng) là 8,8 nghìn ha, chiếm 0,6% . Một số tỉnh bị giảm sản lượng lớn như Bến Tre thiệt hại trên 86 nghìn tấn; Trà Vinh giảm 169 nghìn tấn. Kiên Giang giảm trên 312 nghìn tấn; Long An giảm 105 nghìn tấn; Hậu Giang giảm trên 67 nghìn tấn.

Lúa đông xuân ở các vùng khác cũng bắt đầu cho thu hoạch, ước năng suất trên diện tích thu hoạch giảm so cùng kỳ do khô hạn, thiếu nước tưới (Bình Định đạt 66,4 tạ/ha, giảm 2,2 tạ/ha; Phú Yên đạt 65 tạ/ha, giảm 5 tạ/ha; Khánh Hòa đạt 60 tạ/ha, giảm 3 tạ/ha).

Trên những chân ruộng lúa Đông xuân đã thu hoạch tại ĐBSCL, bà con nông dân tranh thủ cày xới đất để xuống giống vụ Hè thu sớm. Tính đến cuối tháng, toàn vùng gieo cấy đạt 628,4 nghìn ha, bằng 97% so cùng kỳ. Do đặc thù thời tiết vụ Hè thu năm nay khắc nghiệt, tình hình hạn hán và nhiễm mặn vẫn tiếp diễn nên ngành nông nghiệp các tỉnh khuyến cáo nông dân chuyển sang trồng màu hoặc nuôi thủy sản luân canh trên ruộng lúa. Hiện nay, lúa Hè thu

đang ở giai đoạn mạ đến trổ, cây lúa sinh trưởng và phát triển khá; Sâu bệnh ngoài đồng chủ yếu là bọ trĩ, sâu cuốn lá, rầy nâu.... nhưng ở mức nhẹ.

Tình hình hạn hán, nhiễm mặn: Các tỉnh miền Nam đang trải qua đợt nắng nóng, hạn hán, nhiễm mặn nghiêm trọng. Theo báo cáo của Chi cục Phòng, chống thiên tai khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Chi cục Phòng chống thiên tai khu vực miền Nam, thiệt hại do hạn hán và xâm nhập mặn ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ (các tỉnh ĐBSCL, Ninh Thuận, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông) tính đến cuối tháng như sau:

- Thiệt hại về lúa: 240.539ha;
- Thiệt hại về hoa màu: 18.370 ha;
- Thiệt hại về cây ăn quả: 56.091 ha;
- Thiệt hại về cây công nghiệp: 104.511 ha;
- Thiệt hại về thủy sản: 5.641 ha;

Tình hình hạn hán vẫn kéo dài sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản lượng cà phê niên vụ 2016/2017. Ở Tây Nguyên hạn hán không có nước và không đủ nước tưới cà phê bắt đầu khô héo. Vườn thiếu nước bắt đầu rụng quả.

Hạn hán sẽ tiếp tục kéo dài đến vụ hè thu 2016, dự kiến ở các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận sẽ có khoảng 40.000 ha đất lúa phải dừng sản xuất (Khánh Hòa 10.000 ha, Ninh Thuận 10.000 ha, Bình Thuận 20.000 ha). Tình trạng hạn hán, thiếu nước cho cây trồng sẽ ảnh hưởng đến các địa phương khác trong khu vực. Ngoài ra, nước sinh hoạt cho người dân bị thiếu hụt, các tỉnh bị ảnh hưởng nhiều là Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa và Phú Yên.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IV/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	
2		Điện Biên	Lúa chiêm ngâm sữa	TB	3cm	
3		Văn Chấn				
4		Tuyên Quang				
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa chiêm trổ bông	Khá	3cm	
		Lạng Sơn	Ngô lá thứ 7	TB	TB	

			Lúa xuân bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
		Bắc Giang				
	Trung du	Phú Hộ				
	Bắc Bộ	Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	TB	Phòng lá TĐ nặng(31-40%)
		Hà Đông	Lúa xuân trở bông	TB	4cm	
			Lạc nở hoa	Khá	ảm	
		Hoài Đức	Ngô nở hoa	Khá	ảm	
			Cam	kém	ảm	
	Đồng bằng Sông Hồng	Hưng Yên	Lúa xuân mọc dón	Khá	3cm	
		Nam Định	Lúa chiêm trở bông	Khá	3cm	
		Ninh Bình	Lúa xuân mọc dón	TB	3cm	
		Thái Bình	Lúa xuân mọc dón	Khá	4cm	
			Lạc hình thành củ	TB	TB	
		Yên Định	Đậu t-ơng quả chín	TB	TB	
	Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	Lúa chiêm trở bông	Khá	4cm	
		Quỳnh Lưu	Lúa chiêm ngâm sữa	Khá	10cm	
		Đô Lương	Lúa xuân ngâm sữa	TB	3cm	
	Trung Trung Bộ	Huế				
	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
		An Nhơn	Chuyển vụ			
	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê đâm chồi	Tốt	TB	
		Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
	Nam Bộ	Trà Nóc	Lúa xuân hè mọc dón	TB	3cm	
		Mỹ Tho	Lúa xuân chắc xanh	TB	3cm	
		Bạc Liêu				

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng đạt hơn 704,6 ngàn ha cây màu lương thực, giảm 7,6% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cây ngô đạt gần 449 ngàn ha, Khoai lang đạt 75,9 ngàn ha, Sắn đạt hơn 174,3 ngàn ha. Cây công nghiệp ngắn ngày đạt tổng diện tích gần 295 ngàn ha, bằng 83,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Diện tích đậu tương đạt 38 ngàn ha; Lạc đạt gần 141 ngàn ha, Mía đạt 79,2 ngàn ha, Thuốc lá đạt 15 ngàn ha. Gieo trồng rau, đậu các loại đạt 521,1 ngàn ha.

Chè lớn nảy chồi ở Mộc Châu, Ba Vì, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Ngô đang trong kỳ lá thứ 7 ở Lạng Sơn, sinh trưởng trung bình.

Tại Hoài Đức ngô và lạc nở hoa, sinh trưởng khá. Tại Yên Định lạc hình thành củ, đậu tương quả chín; sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình.

Ở Tây Nguyên cà phê đâm chồi, sinh trưởng tốt, đất ẩm trung bình. Cà phê Xuân Lộc hình thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình, đất ẩm.

Đông lốc và mưa đá xảy ra vào cuối tháng IV và đầu tháng năm tại Lào Cai, Cao Bằng, Gia Lai, Đà Lạt... cũng đã gây thiệt hại cho hoa màu và cây công nghiệp.

3. Tình hình sâu bệnh

- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Duyên Hải Nam Trung Bộ, Đắk Lắk, Đắk Nông với tổng diện tích nhiễm 6.550 ha.

- Đạo ôn lá hại chủ yếu tại các tỉnh trên toàn quốc với tổng diện tích nhiễm 22.053 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 858 ha.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 5.909 ha, diện tích nhiễm nặng 8 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Chuột: Tổng diện tích hại 11.497 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 747 ha; Diện tích mất trắng 0,5 ha tại Hải Phòng. Chuột hại trên cả nước.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh Phía Bắc, Duyên Hải Nam Trung Bộ, Đắk Lắk, Đắk Nông và Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 11.483 ha, diện tích nhiễm nặng 181 ha.

- Bệnh lem lép hạt: Diện tích nhiễm 9.300 ha, diện tích nhiễm nặng 402 ha tập trung tại Duyên Hải Nam Trung Bộ, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 19.004 ha, diện tích nhiễm nặng 313 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, Quảng Bình, Quảng Trị, rải rác tại các tỉnh Miền Trung.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 4.207 ha

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 1.466 ha. Sâu non gây hại chủ

yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Nhện gié hại rải rác ở các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang với tổng diện tích 3.820 ha.

- Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 12.832 ha, diện tích nhiễm nặng 274 ha tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bắc Bộ, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Vàng lá hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 4.610 ha, diện tích nhiễm nặng 102 ha..

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG V, VI, VII/2016

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng V, VI, VII năm 2016 cho thấy, nhiệt độ có khả năng vượt chuẩn trên hầu hết diện tích cả nước với xác suất từ 55 đến 77%, hụt chuẩn chỉ xảy ra ở một số tỉnh vùng núi khu vực Đông Bắc với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai nhiệt độ có giá trị chủ yếu từ 0,5 đến trên 1,5°C.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt đến cận chuẩn trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng vượt chuẩn ở Tây Bắc, một phần diện tích Đồng Bằng Bắc Bộ, Quảng Bình – Quảng Trị và một phần diện tích Tây Nam Bộ, với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai của lượng mưa chủ yếu dao động từ - 200mm đến 200mm trên đa hầu hết diện tích cả nước.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng V-VII trung bình thời kỳ 1971-2000, có khoảng 4 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và 1 đến 2 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng V-VII.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IV và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng V/2016 và dự báo khí hậu 3 tháng V, VI và VII/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ bệnh đạo ôn, rầy nâu, sâu cuốn lá trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;

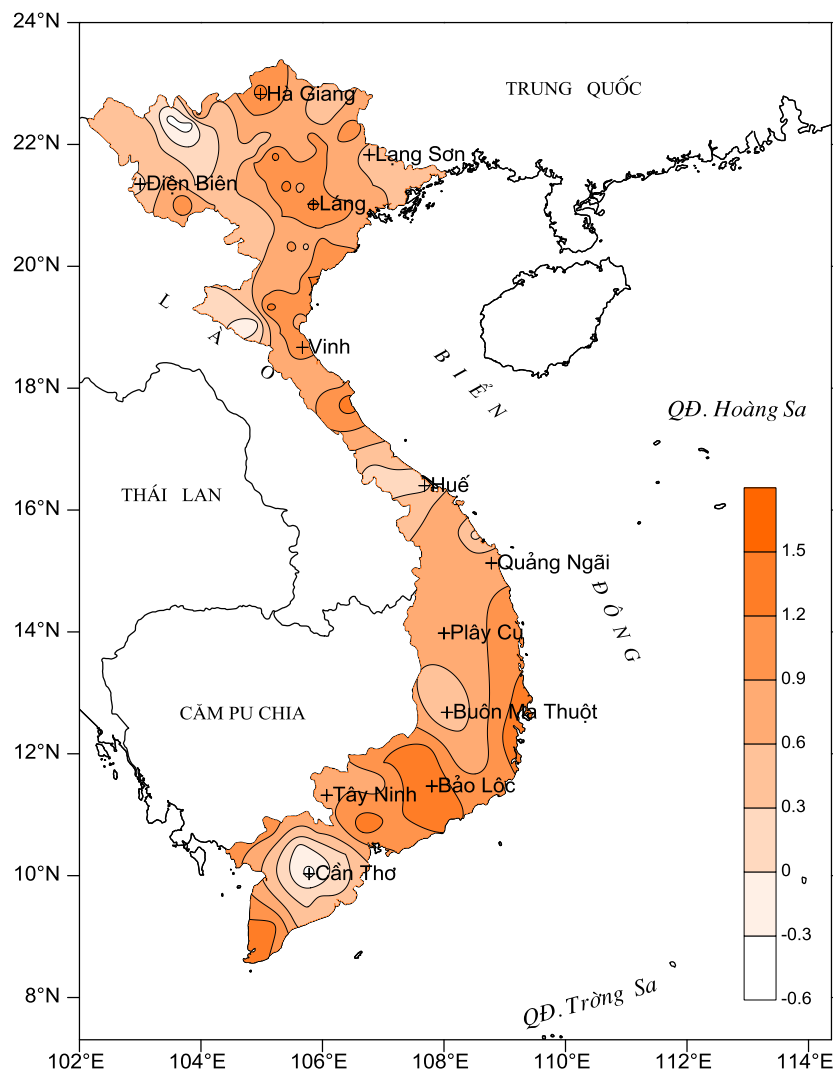
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa làm đồng, trở bông phơi màu thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào cuối tháng IV đầu tháng V.

2. Miền Nam

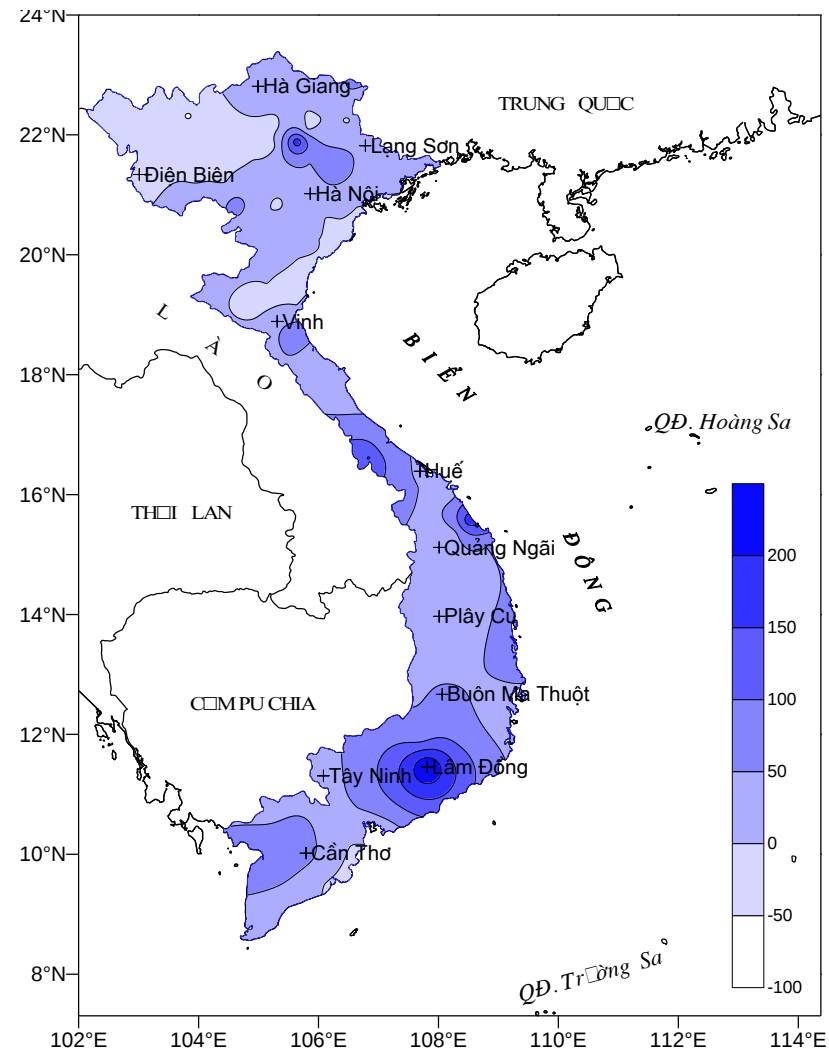
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh và lúa hè thu, lúa mùa đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để đề phòng và ngăn chặn sâu, bệnh trên lúa, trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

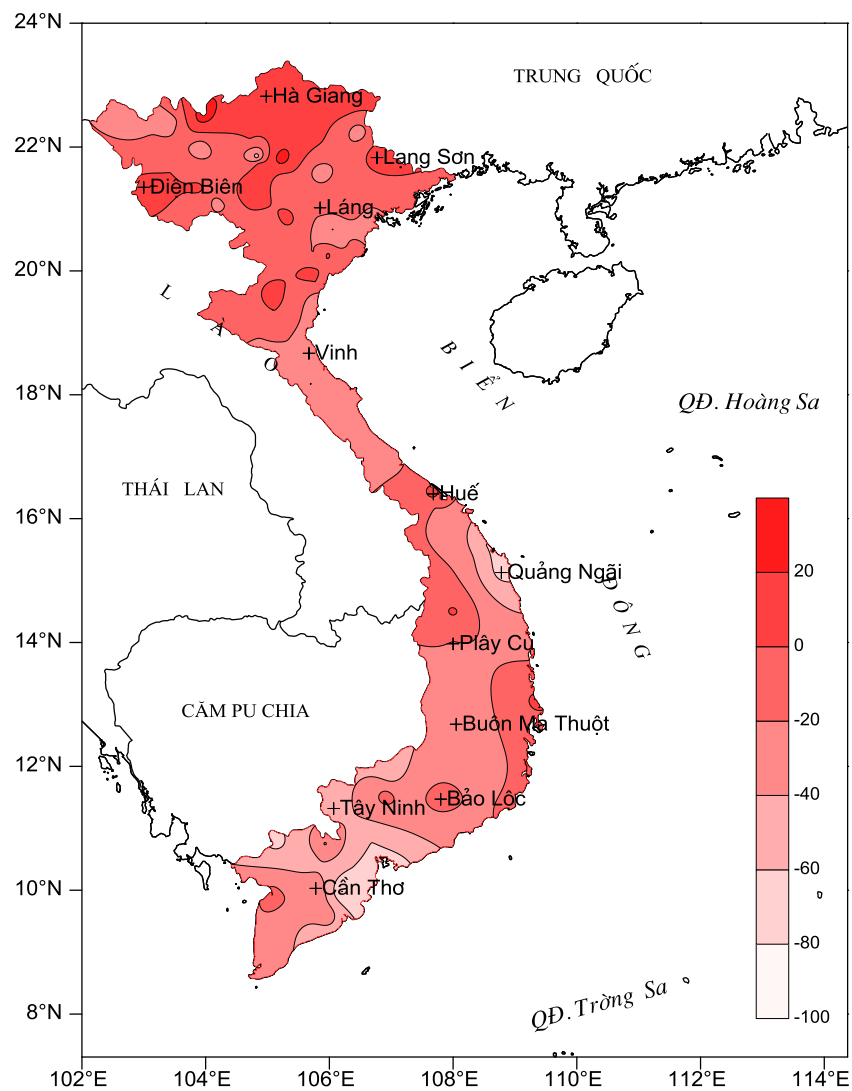
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng V, VI, VII năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng V năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IV năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



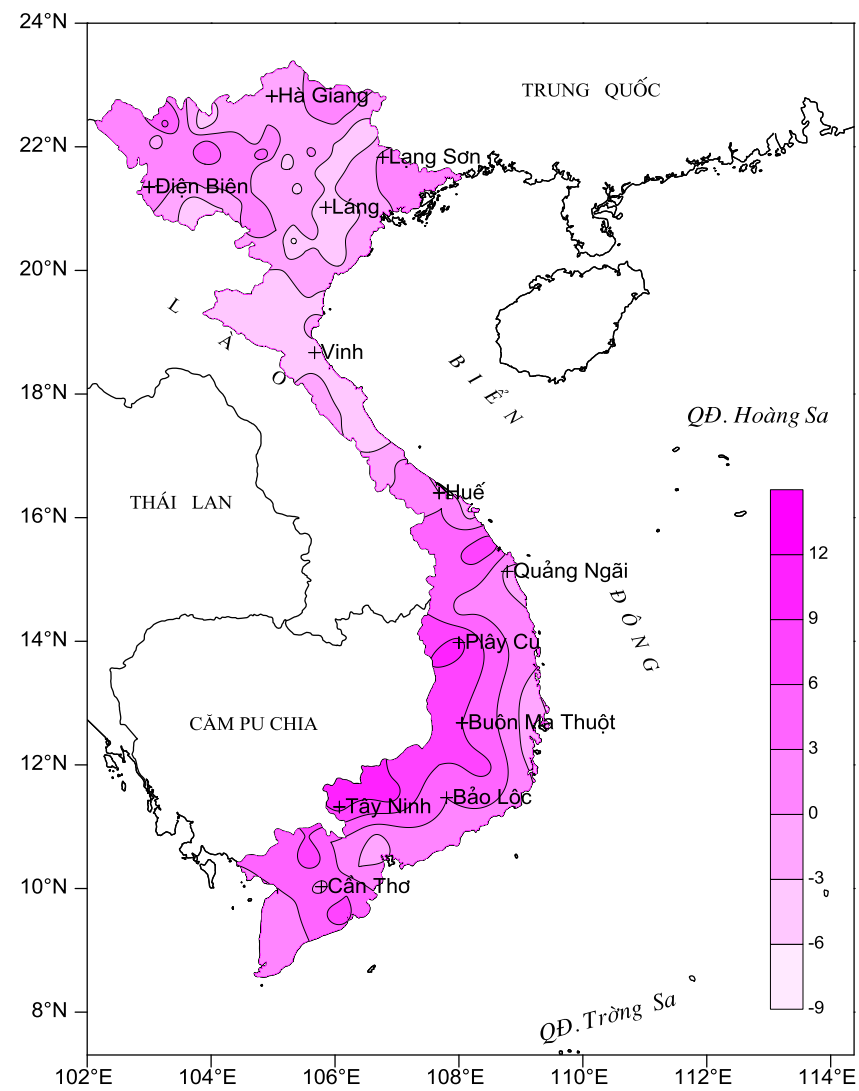
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IV/2016 so với TBNN (°C)



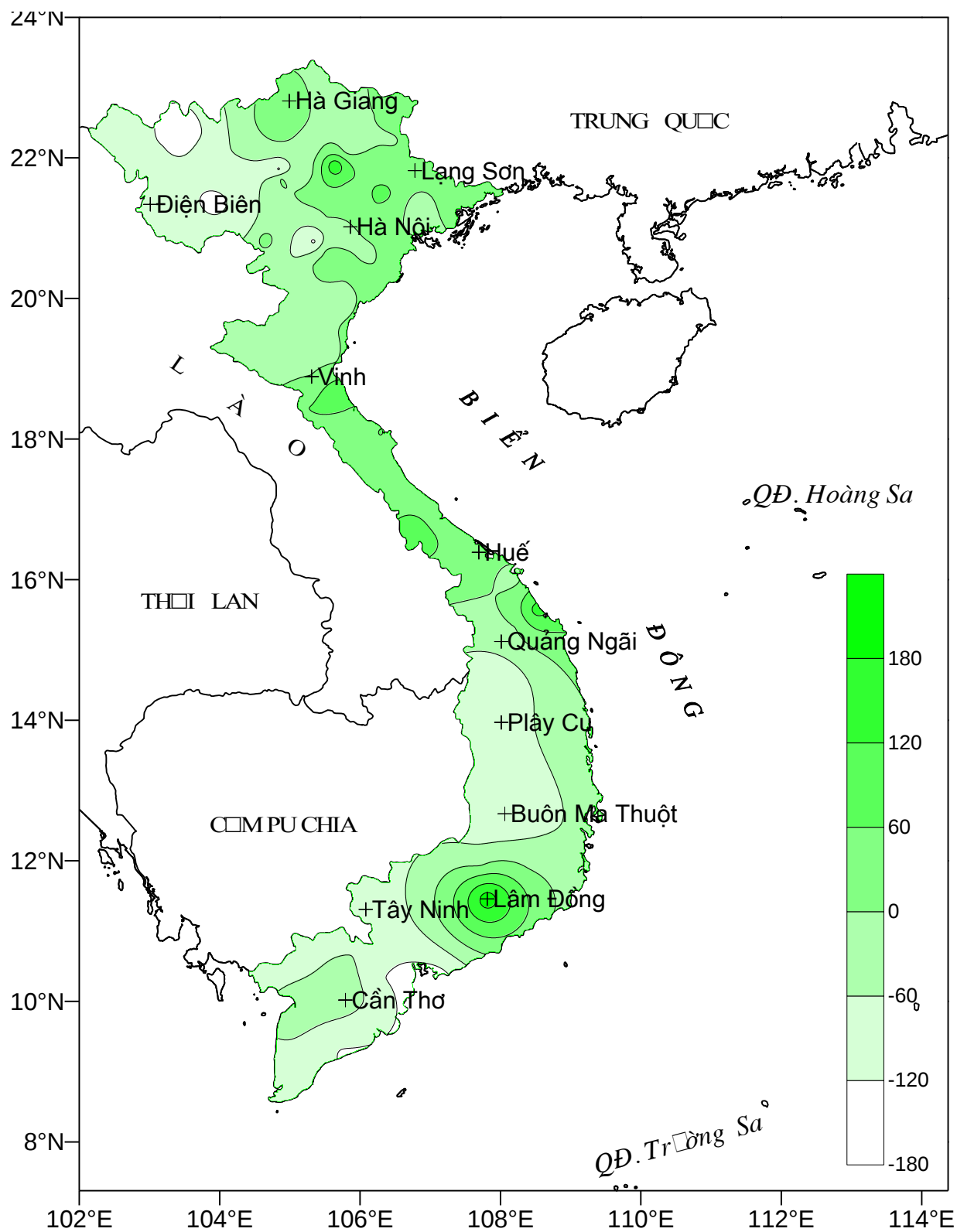
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IV/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IV/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IV/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IV/2016 (mm)